

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: 50 /GP-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 11 năm 2016

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 4;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét hồ sơ của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I nộp ngày 12/10/2016 đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 369/TTr-STNMT ngày 21/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I khai thác quặng sắt bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

1. Diện tích khu vực khai thác: 7,58 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác: + 250 m.

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất: 84.829 tấn.

- Trữ lượng khai thác: 80.000 tấn.

4. Công suất khai thác: 10.000 tấn/năm.

5. Thời hạn khai thác: 08 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác quặng sắt theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Gia Chanh và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác quặng sắt của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp hồ sơ thiết kế mỏ đã được

phê duyệt theo quy định cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Noi nhận:

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, KH&ĐT, TN&MT(3b);
- C, PVP UBND tỉnh,
các phòng: KTTH, TH;
- UBND huyện Chi Lăng;
- UBND xã Quan Sơn;
- Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I;
- Lưu: VT, KTN (NVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang

**Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký
Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn**

Số đăng ký:.....15./ĐK-KT

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 11 năm 2016

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

**RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ QUặng
SẮT GIA CHÁNH, XÃ QUAN SƠN, HUYỆN CHI LĂNG**
*(Kèm theo Giấy phép khai thác số 50/GP-UBND
Ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh)*

| Điểm gốc | Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3°) | |
|---------------------------|--|-----------|
| | X (m) | Y (m) |
| 1 | 2395 530 | 434 803,2 |
| 2 | 2395 527 | 435 043,2 |
| 3 | 2395 205 | 435 138,5 |
| 4 | 2395 310 | 434 800,0 |
| Diện tích: 7,58 ha | | |

THÀNH PHẦN HỒ SƠ CẤP PHÉP MỎ ...Sat....Bà....Chanh

| STT | Thành phần hồ sơ | Ghi chú |
|-----|---|---------|
| 1 | Giấy phép khai thác khoáng sản | ✓ |
| 2 | Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản | ✓ |
| 3 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản | ✓ |
| 4 | Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản | ✓ |
| 5 | Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản | ✓ |
| 6 | Dự án đầu tư khai thác khoáng sản | ✓ |
| 7 | Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp trước năm 2014</i>) | ✓ |
| 8 | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (<i>Đối với trường hợp cấp sau năm 2014</i>) | ✓ |
| 9 | Quyết định phê duyệt của chủ đầu tư | ✓ |
| 10 | Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định phê duyệt | ✓ |
| 11 | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | ✓ |
| 12 | Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu | ✓ |
| 13 | Biên bản kiểm tra | |
| 14 | Văn bản xin ý kiến (Nếu có) | |

Số: 38 /QĐ-CNXD1

Lạng Sơn, ngày 6 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

Về việc phê duyệt “*Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*”

GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010;;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ v/v Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14/11/2012 của Bộ Công thương V/v Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn;

Thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của BXD hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ vào Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta lập năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt “*Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tên chủ đầu tư: Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số 1.

3. Tên tổ chức lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta.

Chủ nhiệm dự án: Lê Quang Phục.

4. Tên tổ chức lập thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta.

5. Mục tiêu đầu tư:

Việc đầu tư, khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Gia Chanh nhằm tận thu tối đa nguồn tài nguyên sẵn có, nâng cao giá trị tài nguyên cung cấp cho thị trường luyện gang, thép cũng như sản xuất xi măng trong và ngoài tỉnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động trong Xí nghiệp cũng như con em địa phương và đóng góp vào ngân sách của Nhà Nước.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Trữ lượng, công suất thiết kế, tuổi thọ mỏ:

- Trữ lượng địa chất: 84 829 tấn;

- Trữ lượng công nghiệp: 80.000 tấn;

- Công suất thiết kế: 10.000 tấn quặng/năm;

- Tuổi thọ của mỏ: 8 năm.

6.2. Mở mỏ và chuẩn bị khai trường

Hiện tại các hạng mục công trình phục vụ cho khai thác mỏ đã được Xí nghiệp đầu tư hoàn thiện và đảm bảo công năng khi dự án mới đi vào hoạt động, công tác mở mỏ đã được thực hiện do đó dự án không tiến hành thi công mở mỏ mà đi ngay vào thời kỳ sản xuất.

6.3. Hệ thống khai thác

- Hệ thống khai thác: Dự án chọn HTKT khai theo lớp băng, xuống sâu, hai bờ công tác, khai quặng chọn lọc băng khoan nổ mìn kết hợp với bóc đất đá, xúc bốc trực tiếp lên thiết bị vận tải, công trình mỏ phát triển từ trên xuống dưới, trình tự khai thác từ ngoài vào trong, đồ thải bãi thải trong..

Bảng 1: Các thông số của HTKT

| TT | Thông số | Ký hiệu | Đơn vị | Giá trị |
|----|--|---------------|--------|----------|
| 1 | Chiều cao tầng khai thác: - Trong đất đá - Trong quặng | H_t | m | 10 5 |
| 2 | Chiều cao tầng kết thúc | H_{kt} | m | 10-15 |
| 3 | Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu | B_{ctmin} | m | 36 |
| 4 | Chiều rộng mặt tầng kết thúc | B_{kt} | m | 3-5 |
| 5 | Chiều rộng dài khẩu | A | m | 5 |
| 6 | Chiều dài tuyến công tác trên tầng | L_{kt} | m | 90 |
| 7 | Góc nghiêng sườn tầng khai thác: - Trong đất mềm - Trong đá cứng | α_t | độ | 26 56 |
| 8 | Góc nghiêng sườn tầng kết thúc | α_{kt} | độ | 50 |
| 9 | Góc nghiêng bờ công tác | ω_{ct} | độ | 20-30 |
| 10 | Góc nghiêng bờ kết thúc | ϕ_{Kt} | độ | 40- 45 |

6.4. Công tác xúc bốc và vận tải trong mỏ:

- Công tác xúc bốc: Thiết bị xúc bốc chọn loại máy xúc thuỷ lực gầu ngược với dung tích gầu $1,2 \text{ m}^3$;
- Công tác vận tải: Sử dụng Ôtô tự đổ có tải trọng $q = 10 \text{ tấn}$ để vận chuyển.

6.5. Thải đất đá:

Khối lượng đất đá thải của mỏ là toàn bộ lượng đất đá bóc với khối lượng 128.347 m^3 . Do lượng đất đá thải của mỏ được bóc theo từng năm khai thác vì vậy khối lượng đất đá thải hàng năm là $17.000 \text{ m}^3/\text{năm}$.

Mỏ khai thác theo hình thức cuốn chiếu cho từng thân quặng do vậy lựa chọn đồ thải bãi thải trong (trong quá trình khai thác sẽ tận dụng thân quặng khai thác trước để đồ thải cho các thân quặng khai thác sau).

6.6. Tháo khô và thoát nước

- Thoát nước bằng phương pháp thoát nước tự chảy trên khai trường;

6.7. Cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc:

- Cung cấp điện:

Hiện nay, khu mỏ đã có đường điện lưới quốc gia 35kV đi qua do đó đường điện của mỏ được lấy từ trạm biến áp $35/6\text{kV}$ trong khu vực, sau đó qua trạm biến áp $6/0,4 \text{ kV}$ Xí nghiệp sẽ đầu tư xây dựng để cung cấp cho khu chế biến.

- Cung cấp nước:

+ Nước ăn, nước sinh hoạt: được lấy từ giếng khoan trong khu văn phòng qua hệ thống xử lý trước khi đưa vào sử dụng.

+ Lượng nước dùng cho sản xuất: Nước sản xuất chủ yếu phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại trạm nghiên, tưới đường vận tải được lấy từ khe suối gần khu vực mỏ.

- Hệ thống thông tin liên lạc:

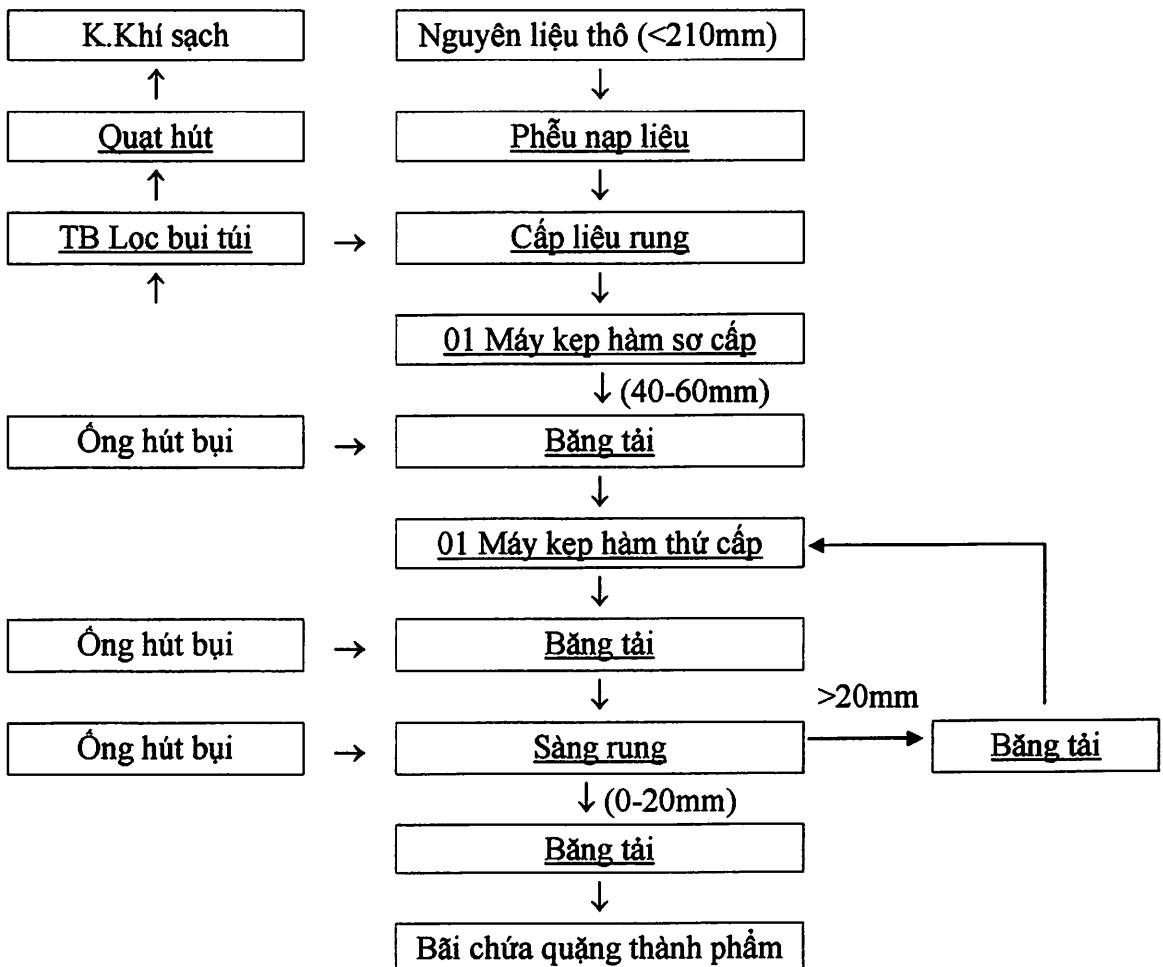
+ Điện thoại hành chính sản xuất;

+ Điện thoại điều độ sản xuất;

+ Bưu chính điện tử (Fax).

6.8. Công nghệ chế biến khoáng sản:

Công suất trạm nghiên sàng 10 tấn/giờ. Sơ đồ công nghệ chế biến như sau:



Hình 1: Sơ đồ dây chuyền công nghệ chế biến

Danh mục thiết bị dây chuyền chế biến được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 2: Danh mục và xuất xứ thiết bị công nghệ

| Stt | Danh mục thiết bị | ĐVT | SL | Thông số KT | Xuất xứ | |
|-----|--------------------|-----|----|--------------------------------------|---------|----|
| | | | | | TQ | VN |
| 1 | Phễu cấp liệu | cái | 1 | Phễu thép KT 3x3x3m | | X |
| 2 | Cấp liệu rung | cái | 1 | Kiểu GZD 180x80, CS 10t/h | X | |
| 3 | Băng tải | cái | 1 | Băng cao su lõm B650, L=18,2m | | X |
| 4 | Máy nghiền hàm 1 | cái | 1 | Kiểu PEX 250x1200; CS 10t/h | X | |
| 5 | Băng tải | cái | 1 | Băng cao su lõm B650, L=6,8m | | X |
| 6 | Máy nghiền hàm 2 | cái | 1 | Kiểu PEX 250x1200; CS 10t/h | X | |
| 7 | Băng tải | cái | 1 | Băng cao su lõm B650, L=15,9m | | X |
| 8 | Băng tải | cái | 1 | Băng cao su lõm B650, L=17,2m | | X |
| 9 | Sàng rung | cái | 1 | Sàng KT 1,2x3,7m, lưới 20mm | X | |
| 10 | Vít tải | cái | 1 | D375, L=3m | | X |
| 11 | Thiết bị lọc bụi | cái | 1 | Diện tích fill lọc 250m ² | | X |
| 12 | Quạt hút bụi | cái | 1 | 20.000m ³ /h | | X |
| 13 | Tủ điện điều khiển | cái | 1 | - | X | |

6.9. Công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong mỏ:

- Trong quá trình khai thác, vận chuyển, phải nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước Việt Nam như:

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên: QCVN 04: 2009/BCT;

+ Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên (TCVN 5326 - 2008);

- Trang bị bảo hộ lao động, chống tiếng ồn, chống bụi, an toàn lao động cho công nhân mỏ theo đúng quy định của tổng liên đoàn lao động Việt Nam;

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ ở các nơi như kho mìn, trạm điện, kho hàng, các nhà xưởng sửa chữa... ngoài ra còn phải trang

bị các phương tiện chống cháy như: bể cát (bao cát), bình bọt chống cháy chuyên dùng và để đúng nơi quy định;

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành;

7. Địa điểm xây dựng mỏ: tại xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

8. Tổng diện tích sử dụng đất: 7,58 ha (75.800 m²).

9. Công tác bảo vệ môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường nhằm khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do các chất thải được tiến hành bằng cách kết hợp các biện pháp sau:

- Xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường và phổ biến cho cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm chỉnh để hạn chế tối mức thấp nhất những tác động xấu của bụi, khói do việc vận hành các máy móc, thiết bị tới môi trường không khí xung quanh.

- Nước thải của mỏ chủ yếu là nước sinh hoạt của công nhân, nước tưới rửa chống bụi, nước rửa các phương tiện. Do vậy nguồn nước bị ô nhiễm bởi một số chất bẩn như váng dầu, cặn lăng... Tại mặt bằng công trường, nước chảy tràn từ trên cao xuống, tràn trên bề mặt phải được thu lại bởi rãnh thu nước sau đó để lăng đọng tiếp, không để nước mưa chảy tràn tự do sẽ cuốn theo nhiều đất đá và chất thải khác ra sông suối trong khu vực. Nước ô nhiễm phải được xử lý trước khi chảy ra hệ thống thoát nước khu vực. Tại mặt bằng sân công nghiệp có các rãnh thu nước dẫn nước chảy tràn về hố lăng để xử lý lăng đọng đất đá và loại bỏ tạp chất trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Trong quá trình sản xuất, lượng đất đá thải của khu vực khai thác, lượng bụi lăng đọng cần được tận dụng làm vật liệu san lấp và được đổ thải đúng nơi quy định không đổ xuống môi trường xung quanh.

10. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính của mỏ (bảng 3):

Bảng 3: Đồng bộ thiết bị chính phục vụ khai thác

| TT | Tên thiết bị và đặc tính kỹ thuật | Đơn vị | Số lượng hiện có | Số lượng yêu cầu |
|----|--|--------|------------------|------------------|
| 1 | Máy khoan BMK4 đường kính mũi khoan 76mm | cái | 01 | 01 |
| 2 | Búa khoan con cầm tay đường kính | cái | 02 | 01 |

| | | | | |
|---|--------------------------------------|-----|----|----|
| | mũi khoan 36mm | | | |
| 3 | Máy nén khí năng suất $10m^3$ /phút | cái | 02 | 01 |
| 4 | Máy xúc TLGN dung tích gầu $1,2 m^3$ | cái | 02 | 01 |
| 5 | Máy gặt công suất 170CV | cái | 01 | 01 |
| 6 | Ô tô trọng tải 10 tấn | cái | 02 | 01 |

11. Tổng mức đầu tư mới của dự án: **9.107.621.000 đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư mới: **1.059.705.000 đồng**;
- Vốn hiện có: **9.107.621.000 đồng**.

Bảng 3: **Tổng mức đầu tư**

đvt: 10^3 đ

| TT | Các khoản mục đầu tư | Giá trị sau thuế |
|------------------|---|------------------|
| A | Vốn đầu tư mới | 1.059.705 |
| 1 | Chi phí quản lý DA, chi phí tư vấn ĐTXD và chi phí khác | 483.266 |
| 2 | Chi phí tiền cấp quyền khai thác | 412.270 |
| 3 | Chi phí các công trình bảo vệ môi trường | 113.706 |
| 4 | Dự phòng (5%) | 50.462 |
| B | Vốn hiện có | 8.047.916 |
| 1 | Chi phí xây dựng (50% nguyên giá) | 1.869.813 |
| 2 | Chi phí thiết bị (60% nguyên giá) | 6.086.300 |
| 3 | Thuê mặt bằng (theo hợp đồng) | 91.803 |
| TỔNG CỘNG | | 9.107.621 |

12. Thời gian thực hiện dự án: 8 năm.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án trên cơ sở thành lập ban quản lý dự án.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Thành lập ban Quản lý dự án theo quy định;
- Xem xét, hiệu chỉnh các tồn tại theo ý kiến thẩm định trong quá trình lập TKKT – TDT;
- Phê duyệt TKKT-TDT; TKBVTC-DT dự án do Giám đốc phê duyệt đầu tư hoặc uỷ quyền phê duyệt đầu tư;
- Lập và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, các hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, tổ chức chỉ định thầu hay đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu

thầu các gói thầu được phân cấp hoặc ủy quyền; trình Giám đốc phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo phân cấp của Quy chế quản lý Đầu tư và Xây dựng của Xí nghiệp;

- Tổ chức thương thảo, hoàn thiện, ký kết và thực hiện các hợp đồng;
- Phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành các hạng mục công trình của dự án;
- Tổ chức lập, trình duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án;
- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư, quản lý dự án xây dựng công trình của Nhà nước và Xí nghiệp;
- Trong quá trình thực hiện, có quyền thuê tư vấn là tổ chức hoặc cá nhân có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ mà Xí nghiệp không có đủ khả năng, chuyên môn để thực hiện;
- Trong quá trình thực hiện dự án có đúc kết và hoàn thiện các công nghệ để giảm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả của dự án;

Điều 3. Đơn vị thi hành

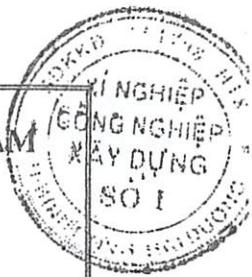
Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, phòng ban trong Xí nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu hồ sơ: VP, HĐQT.



BẢN SAO



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH
HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
HỢP TÁC XÃ
Số: 251798

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 06 năm 1998
Đăng ký lại lần thứ: 2 ngày 29 tháng 09 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ: 6 ngày 29 tháng 09 năm 2008

1. Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1**
Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên hợp tác xã viết tắt:
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**
Điện thoại: 0320.3821395 Fax: 0320.3821034
Email: xncnxdso1@hn.vnn.vn Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:
Khai thác khoáng sản theo quy định của Nhà nước; kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh vật liệu chất dross (than, gỗ, cùi và các sản phẩm đi kèm); kinh doanh khách sạn, du lịch; vận tải hàng hoá thuỷ, bộ; xuất nhập khẩu khoáng sản theo quy định của Chính Phủ về điều hành xuất khẩu năm 2000 và quy định của Bộ Công nghiệp; mua, bán nguyên liệu sản xuất xi măng (thạch cao); mua bán vật tư, nguyên liệu sản xuất bao bì (giấy kraft, hạt nhựa); xây dựng hạ tầng cơ sở đô thị và kinh doanh nhà ở; kinh doanh bất động sản; tạm nhập, tái xuất, mua bán: ô tô, mô tô, xe gắn máy, hàng may mặc, điện tử, điện lạnh và các linh kiện, thiết bị phụ kiện đi kèm.
4. Vốn điều lệ: **9.301.448.358 đồng (Chín tỷ ba trăm linh một triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tám đồng)**
5. Điều lệ hợp tác xã đã được Đại hội xã viên thông qua ngày: **30/10/1998**
6. Tên, địa chỉ chi nhánh:
- Tên: CHI NHÁNH CHI LĂNG – XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1
- Địa chỉ: **Thôn Mỏ Đá, xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn**
7. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:
8. Danh sách ban quản trị hợp tác xã

| Số TT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi thường trú | Chức danh |
|-------|--------------------------|-----------|---|----------------------------|
| | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | |
| 1 | Nguyễn Minh Ngọc | 1955 | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Chủ tịch Hội đồng quản trị |





| | | | | |
|--------------------|--------------------------------------|------|--|----------------------|
| 2 | Nguyễn Thị Văn (Nguyễn Thị Hường) | 1965 | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Uỷ viên |
| 3 | Nguyễn Thị Phượng | 1963 | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Uỷ viên |
| BAN KIỂM SOÁT | | | | |
| 1 | Phạm Văn Hồng | 1959 | Thôn Hạ Chiểu, Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Phạm Thị Luận | 1960 | Thôn Hạ Chiểu, Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Uỷ viên |
| GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH | | | | |
| 1 | Nguyễn Minh Ngọc | 1955 | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | Giám đốc |

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
NGÀY 10 -10- 2016
Số CT.....Quyền số:.....TP/CC-SCT/SG
1131 01

Trưởng phòng
Hoàng Đình Tính



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thủ

BẢN SAO

SỞ KHẨU VÀ ĐIỆN TỬ TỈNH LẠNG SƠN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH

Số: 1417100001

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 9 năm 2008.

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CHI LĂNG - XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

2. Địa chỉ chi nhánh: *Thôn Mỏ Đá, xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.*

Điện thoại: (025) 820 632

Fax: (025) 820 633

Email: xncnxdso1@hn.vnn.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh: *Khai thác khoáng sản theo quy định của Nhà nước, kinh doanh vật liệu xây dựng; xuất khẩu khoáng sản theo quy định của Chính phủ và Bộ Công nghiệp; mua bán nguyên vật liệu sản xuất xi măng.*

4. Người đứng đầu chi nhánh: NGUYỄN THỊ HƯỜNG *Nữ*
Sinh ngày: 20/02/1965 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh nhân dân số: 141015830

Ngày cấp: 28/11/2003 Cơ quan cấp: Công an tỉnh Hải Dương.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: *Thôn Hoàng Thạch, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, điện thoại: 0913266489*
Chữ ký người đứng đầu chi nhánh: *Phú Mỹ*

5. Hoạt động theo ủy quyền của Hợp tác xã:

Tổ hợp tác XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 251798

Cấp ngày: 09/5/2000

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương

Địa chỉ trụ sở chính: *Thôn Hoàng Thạch, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.*

Số CT... 1131...Quyết định số 1.....TP/CC-SCT/SG

NGAY 10-10-2010



TRƯỞNG PHÒNG

Dương Văn Chiều

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Thu

BẢN SAO



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 2158/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng mỏ quặng sắt Gia Chanh,
xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 4;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2356/GP-UBND ngày 30/10/2008 của UBND tỉnh cấp cho Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I;

Xét hồ sơ của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I đề nghị phê duyệt trữ lượng mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, nộp ngày 11/11/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 604/TTr-STNMT ngày 17/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản quặng sắt trong "Báo cáo kết quả thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn" với nội dung sau:

1. Khoáng sản chính: Tổng trữ lượng cấp 122 là 84.829 tấn quặng sắt.
2. Khoáng sản đi kèm: Không có.



Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập Dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Cử dụng; Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng, Chủ tịch UBND xã Quan Sơn, Cử dụng; Chủ tịch UBND nghiệp xây dựng số I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định Xí nghiệp công

Nơi nhận: *A2*

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03b);
- PVP UBND tỉnh, các phòng: KTN, TH;
- Lưu: VT, (HẠNH).

TM. ỦY
KT. VĨNH DÂN
DÂN PHÓ GỊCH



Lý Vinh Quang

CHỨNG THỰC RẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

NGÀY 10 -10- 2016

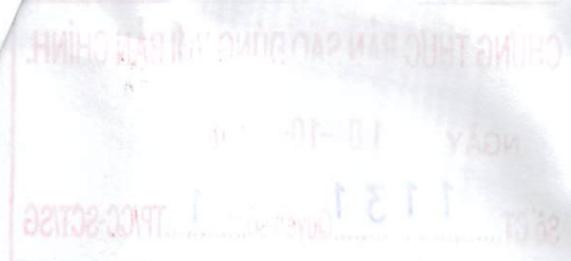
Số CT..... 1131 Quyết số..... 01 TP/GC-SCT/SG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thu



148



CHONGMING HAN SAU QUINH VAN CHINE
NAGOYA OCTOBER 13 1902
PROTECTORATE

Số: 369 /TT- STNMT

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 11 năm 2016

TỜ TRÌNH
Về việc cấp Giấy phép khai thác mỏ quặng sắt Gia Chanh,
xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đợt 4;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Lạng Sơn đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét hồ sơ của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, nộp ngày 12/10/2016;

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Mỏ quặng sắt Gia Chanh được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2356/GP-UBND ngày 30/10/2008 cho Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I với diện tích 7,58 ha, thời hạn khai thác đến tháng 10/2013. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 2038/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2015 phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đối với điểm mỏ sắt Gia Chanh, bàn giao cho tỉnh Lạng Sơn để quản lý, cấp phép theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010. Để được tiếp tục khai thác mỏ quặng sắt Gia Chanh, Xí nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010. Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;
+ Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;
+ Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 38/QĐ-CNXD1 ngày 06/10/2016 của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1236401232, chứng nhận lần đầu ngày 15/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Dự án khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: “*Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn*”.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu; Văn bản xác nhận đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác có diện tích 7,58 ha, nằm trong diện tích khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2356/GP-UBND ngày 30/10/2008.

- Về vốn chủ sở hữu: Theo văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu Xí nghiệp có vốn chủ sở hữu trên 30% tổng số vốn đầu tư của dự án.

- Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Điểm mỏ quặng sắt Gia Chanh không thuộc khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ.

- Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, với tổng số tiền được phê duyệt 123.299.000 đồng, nộp 01 lần; đến thời điểm đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản Xí nghiệp đã nộp 123.299.000 đồng theo Giấy xác nhận ngày 15/11/2016;

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

1. Cho phép Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I khai thác quặng sắt bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 7,58 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định trên bản đồ hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$, mũi chiếu 3° theo Phụ lục Tờ trình này.

- Mức sâu khai thác: + 250 m.
- Trữ lượng địa chất: 84.829 tấn.
- Trữ lượng khai thác: 80.000 tấn.

- Công suất khai thác: 10.000 tấn/năm.

- Thời hạn khai thác: 08 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

2. Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

- Tiến hành hoạt động khai thác quặng sắt theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Gia Chanh và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I;
- Lưu: VT, KS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Duyệt

UBND TỈNH LẠNG SƠN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



PHỤ LỤC

RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ QUặng
SẮT GIA CHANH, XÃ QUẢN SƠN, HUYỆN CHI LĂNG
(Kèm theo Tờ trình số: 369 /TTr-STNMT ngày 21/11/2016
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

| Điểm góc | Hệ tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ mũi chiếu 3^0) | |
|--------------------|---|-----------|
| | X (m) | Y (m) |
| 1 | 2395 530 | 434 803,2 |
| 2 | 2395 527 | 435 043,2 |
| 3 | 2395 205 | 435 138,5 |
| 4 | 2395 310 | 434 800,0 |
| Diện tích: 7,58 ha | | |

ĐẾN SỐ: 117
Ngày: 12 tháng 10 năm 2016
Chuyển: P. KS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 6 tháng 10 năm 2016

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Xí nghiệp Công nghiệp Xây dựng số 1

Trụ sở chính tại: thôn Hoàng Thạch, thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320.382.1395

Đăng ký kinh doanh số 251798 do phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 08 tháng 6 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 9 năm 2008.

Giấy chứng nhận đầu tư số 1236401232 ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lạng Sơn cho Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn của Xí nghiệp Công nghiệp Xây dựng số 1.

Báo cáo kết quả thăm dò quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn do Liên đoàn Địa chất Đông Bắc thành lập năm 2015 đã được phê duyệt theo Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đề nghị được cấp phép khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích khu vực khai thác 7,58 ha, được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3 và 4 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng địa chất: 84.829 tấn.

Trữ lượng khai thác: 80.000 tấn.

Công suất khai thác: 10.000 tấn/năm.

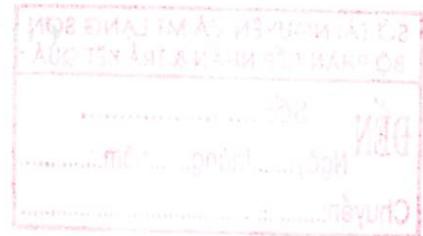
Mức sâu khai thác thấp nhất: +250m

Thời hạn khai thác: 08 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Mục đích sử dụng khoáng sản: Khai thác quặng sắt nguyên liệu cung cấp cho thị trường luyện gang, thép cũng như sản xuất xi măng trong và ngoài tỉnh.

Xí nghiệp Công nghiệp Xây dựng số 1 cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.





ĐỀ TÌM KHẮC TÌM
VỀ HÌNH XỐI XỐI

VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

NGHỆ THUẬT VÀ THỂ THAO

KÝ GIẢI THUẬT VÀ THỂ THAO

TÙNG QUỐC

1987

THỦ TƯỚNG

THỦ TƯỚNG

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987

1987



1989

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 1633/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khai thác quặng sắt
mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 418/BC-SKHĐT ngày 08/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, như sau:

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án: XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ I.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số 251798 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 08/6/1998, cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 29/9/2008.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320.3821395;

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh Ngọc Giới tính: Nam.

Chức vụ: Giám đốc; Sinh ngày: 04/06/1955; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 141330056; Ngày cấp: 04/01/2005; Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.

Noi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

2. Tên dự án đầu tư: Dự án khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng.

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư khai thác quặng sắt đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo việc làm cho người lao động địa phương, đóng góp cho ngân sách nhà nước.

4. Quy mô đầu tư: Đầu tư khai thác quặng sắt với công suất 10.000 tấn/năm.

5. Địa điểm thực hiện dự án: mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

S.Đ.K.H.D : 94
VĂN PH
CÔNG C
NGUYỄN
H. THẠCH THÀ

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 16,6781 ha. Trong đó:
- + Phần khai truong: 7,58 ha.
- + Các công trình phụ trợ: 9,0981 ha.

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất với nhà nước.

6. Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn:

a) Tổng vốn đầu tư: 15.807 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 12.000 triệu đồng;

- Vốn vay: 3.807 triệu đồng.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 10 năm, kể từ ngày được phê duyệt chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý I-II/2016: Chuẩn bị đầu tư.

- Quý III/2016: Hoàn thiện các thủ tục liên quan, đầu tư xây mới, sửa chữa kho xưởng, mua sắm máy móc thiết bị...

- Quý IV/2016: Đầu vào hoạt động khai thác, sản xuất.

Điều 2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

- Sau 12 (mười hai) tháng mà Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định thì bị chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng và Người đại diện theo pháp luật của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- các phòng: KTN, KTTH, TH, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (HÀNH). Ngày 10 -10 - 2016

Số CT.....1.1.3.1. Quyết số 1.....TP/CC-SCT/SG

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang



2

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thủ

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1236401232

Chứng nhận lần đầu: ngày 15 tháng 9 năm 2016

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng;

Căn cứ Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/03/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Bản đề nghị thực hiện dự án Khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng và hồ sơ kèm theo của Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LẠNG SƠN

Chứng nhận nhà đầu tư: XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ I.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã số 251798 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 08/6/1998, cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 29/9/2008.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320.3821395;

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh Ngọc Giới tính: Nam.

Chức vụ: Giám đốc; Sinh ngày: 04/06/1955; Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 141330056; Ngày cấp: 04/01/2005; Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Dự án khai thác quặng sắt mỏ Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng.

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư khai thác quặng sắt đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo việc làm cho người lao động địa phương, đóng góp cho ngân sách nhà nước.

3. Quy mô: Đầu tư khai thác quặng sắt với công suất 10.000 tấn/năm

4. Địa điểm thực hiện dự án: mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 16,6781 ha. Trong đó:

+ Phần khai trường: 7,58 ha.

+ Các công trình phụ trợ: 9,0981 ha.

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất với nhà nước.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 15.807 triệu đồng.

* Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 12.000 triệu đồng;

- Vốn vay: 3.807 triệu đồng.

6. Thời hạn hoạt động dự án: 10 năm, kể từ ngày được phê duyệt chủ trương đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý I-II/2016: Chuẩn bị đầu tư.

- Quý III/2016: Hoàn thiện các thủ tục liên quan, đầu tư xây mới, sửa chữa kho xưởng, mua sắm máy móc thiết bị...

- Quý IV/2016: Đưa vào hoạt động khai thác, sản xuất.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư, các Luật có liên quan và cơ chế hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án nhà đầu tư có nghĩa vụ và trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường,...

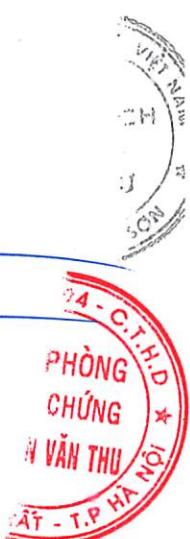
2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai theo đúng nội dung đăng ký đầu tư; tuân thủ nghiêm túc chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định.

3. Sau 12 (mười hai) tháng mà Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số I không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định thì bị chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (*hai*) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn./.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thủ



Số: 1391/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án
cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: Đầu tư xây dựng công trình
khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn,
huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác
động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động
khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
243/TTr-STNMT ngày 29/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “ Đầu
tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan
Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn” được lập bởi Xí nghiệp công nghiệp xây
dựng số 1 (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi của dự án: Dự án được thực hiện tại xã Quan Sơn, huyện Chi
Lăng, tỉnh Lạng Sơn, với diện tích khai trường 7,58 ha (trong đó có bố trí khu
điều hành là 0,15ha và khu chế biến là 0,5ha).

1.2. Quy mô công suất của dự án: 10.000 tấn quặng/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ đúng những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và
các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.



2.2. Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án: Thu gom, xử lý nước bề mặt, nước thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại phải tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh.

2.3. Tiến hành quan trắc, giám sát môi trường theo đúng nội dung nêu trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và gửi báo cáo kết quả quan trắc, giám sát môi trường về Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Lạng Sơn (02 lần/năm); chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Các biện pháp bảo vệ môi trường và công trình ứng phó sự cố môi trường phải được thực hiện theo đúng nội dung báo cáo ĐTM của dự án được phê duyệt.

3.2. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

3.3. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn cháy nổ, an toàn hóa chất và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến hoạt động của Dự án.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng sắt tại mỏ quặng sắt Gia Chanh, xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn” của Chủ dự án với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Tháo dỡ công trình xây dựng trên mặt bằng sân công nghiệp; san gạt bề mặt các tầng, củng cố bờ tầng, san gạt lấp các đáy moong bằng và cao hơn địa hình xung quanh; đào hố, bồi sung đất mùn vào các hố và trồng cây.

2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 1.274.533.000 đồng (*một tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

2.2. Số lần ký quỹ: 8 lần.

a) Số tiền ký quỹ lần đầu là: 318.633.000 đồng (*Ba trăm mười tám triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

b) Số tiền ký quỹ hàng năm (từ năm thứ 02 đến năm thứ 08) là: 136.557.000 đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Thời điểm ký quỹ từ lần thứ 02 trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

2.3. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2016 (*năm phê duyệt phương án*). Khi tiến hành nộp quỹ hàng năm cần tính toán đến yếu tố trượt giá theo quy định tại khoản 3, điều 12, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

Điều 3. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại ý b và ý c, Mục 1 và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các ý a, ý b, mục 1 nêu trên, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Phương án CT, PHMT đã được phê duyệt và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này./.

Noi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (UB);
- Quỹ BVMT tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng: KTN, TH, KTH;
- UBND huyện Chi Lăng;
- UBND xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng;
- Xí nghiệp công nghiệp xây dựng số 1;
- Lưu: VT, (HẠNH).

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

NGÀY 10 -10- 2016

Số 07.1.1.3.1. Quyết số: 0.1

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Vinh Quang



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Văn Thu